

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 01 - 2019

V/v ly hôn giữa chị T và anh Đ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Sơn

Ông Lê Văn Viện

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: Xóm Đ, thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Bùi Minh Đ – sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm C, thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 12 năm 2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Bùi Minh Đ tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 01 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống lạnh nhạt, không hạnh phúc, nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng không có sự chia sẻ, không quan tâm đến nhau. Đầu năm 2018 do mẹ đẻ ốm nặng nên chị xin về nhà đẻ ở để có thời gian chăm sóc mẹ, cũng từ đó vợ chồng chị sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa, mặc dù đã được hai bên gia đình, bạn bè khuyên giải đoàn tụ nhưng không khắc phục được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã thực sự đổ vỡ, không có khả năng đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Minh Đ.

Về con chung, tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh Đ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/01/2019 bị đơn anh Bùi Minh Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T tự do tìm hiểu, nguyện đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 01 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến tháng 4 năm 2018 chị T xin phép về nhà đẻ ở để chăm sóc mẹ ốm, cũng từ đó chị T bỏ đi luôn, anh và chị T không quan tâm gì đến nhau nữa, mặc dù đã được hai bên gia đình động viên khuyên giải nhưng không thành. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T làm đơn xin ly hôn anh nhất trí, đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung, tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày và đề nghị nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Minh Đ đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Minh Đ kết hôn do tự nguyện, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống không tìm được tiếng nói chung, không có sự đồng cảm chia sẻ, từ tháng 4/2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa, chị T và anh Đ đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị T và anh Đ không hạnh phúc, sống ly thân đã lâu, nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Bùi Minh Đ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh Đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án cũng không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Minh Đ.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai số 0002130 ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực (chị T đã nộp đủ án phí).

3. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Minh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS Huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh